**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT**

**Câu 1: Quan niệm của học thuyết Mác - Lênin về nguồn gốc của Nhà nước:**

A. Nhà nước xuất hiện do thượng đế sáng tạo để bảo vệ trật tự chung

B. Nhà nước là kết quả phát triển của gia đình và quyền gia trưởng

C. Nhà nước là kết quả của một khế ước được ký kết giữa những con người sống trong trạng thái tự nhiên

không có nhà nước

D. Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được

**Câu 2: Bản chất giai cấp của nhà nước được thể hiện**:

A. Là bộ máy đặc biệt nhằm duy trì sự thống trị về kinh tế, chính trị, tư tưởng

B. Là tổ chức thống trị về quyền lực trong xã hội

C. Là bộ máy đặc biệt nhằm duy trì sự thống trị về tư tưởng, văn hóa và tôn giáo

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 3: Nhà nước có những dấu hiệu đặc trưng cơ bản nào?**

A. Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; có chủ quyền quốc gia, quyền ban hành pháp luật;

thực hiện các hoạt động kinh tế

B. Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt; quản lý dân cư theo lãnh thổ, có chủ quyền quốc

gia; quyền ban hành pháp luật; quy định các loại thuế; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước

C. Một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt quản lý dân cư theo lãnh thổ; quyền ban hành pháp

luật; quy định các loại thuế; có chủ quyền quốc gia

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 4: Nhà nước phân chia dân cư theo cách nào?**

A. Theo huyết thống

B. Theo nghề nghiệp

C. Theo đơn vị hành chính lãnh thổ

D. Theo tôn giáo

**Câu 5: Các thuộc tính của pháp luật là:**

A. Tính quy phạm phổ biến

B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

C. Tính cưỡng chế của pháp luật

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 6: Pháp luật được hình thành bằng con đường nào?**

A. Tập quán pháp

B. Tiền lệ pháp

C. Văn bản quy phạm pháp luật

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 7: Tính giai cấp của pháp luật được thể hiện ở:**

A. Phản ánh ý chỉ của giai cấp thống trị

B. Là bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội, bị quy định bởi cơ sở hạ tầng

C. Phản ánh nguyện vọng của con người và những quan điểm về các hành vi xử sự trong đời sống xã hội

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 8: Tính xã hội của pháp luật được thể hiện:**

A. Đa số người dân chấp nhận

B. Thiểu số người dân chấp nhận

C. Các dân tộc chấp nhận

D. Được một nhóm người chấp nhận

**Câu 9: Chức năng giáo dục của pháp luật:**

A. Làm cho con người hành động phù hợp với cách xử sự như ghi trong quy phạm pháp luật

B. Làm cho con người hành động phù hợp với cách xử sự như ghi trong tôn giáo, phong tục, tập quán

C. Làm cho con người hành động phù hợp với cách xử sự như trong tôn giáo, phong tục, tập quán

D. Làm cho con người hành động phù hợp với cách xử sự như trong nội quy và quy định của pháp luật

**Câu 10: Vai trò của pháp luật:**

A. Là công cụ quản lý xã hội do nhà nước đặt ra

B. Là công cụ quản lý xã hội của các tổ chức chính trị xã hội

C. Là công cụ quản lý xã hội của các tổ chức đảng phải

D. Là công cụ quản lý xã hội của giáo hội

**Câu 11: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thiện định nghĩa về nhà nước: “Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của ...(1)..., một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ ...(2)... và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội, thực hiện mục đích bảo vệ địa vị của ...(3)... trong xã hội”**

A. (1) giai cấp thống trị, (2) bảo vệ, (3) người đứng đầu

B. (1) quyền lực công, (2) bảo vệ, (3) giai cấp thống trị

C. (1) quyền lực xã hội, (2) cưỡng chế, (3) giai cấp thống trị

D. (1) quyền lực chính trị, (2) cưỡng chế, (3) giai cấp thống trị

**Câu 12: Cơ sở kinh tế của xã hội cộng sản nguyên thuỷ?**

A. Là chế độ sở hữu riêng về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động xã hội

B. Là chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động xã hội

C. Mọi người trong xã hội đều lao động và hưởng thụ thành quả lao động khác nhau

D. Đây là thời kỳ có trình độ lực lượng sản xuất ở mức thấp

**Câu 13: Học thuyết nào về nguồn gốc của nhà nước cho thấy nhà nước là một phạm trù lịch sử chứ không phải một hiện tượng vĩnh cửu?**

A. Học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin

B. Thuyết gia trưởng

C. Thuyết thần học

D. Thuyết khế ước

**Câu 14: Bản chất của nhà nước bao gồm?**

A. Tính xã hội

B. Tính giai cấp và tính xã hội

C. Tính giai cấp

D. Tính thống nhất

**Câu 15: Bản chất pháp luật được thể hiện?**

A. Pháp luật là hiện tượng xã hội không mang tính giai cấp

B. Pháp luật là công cụ của đại đa số nhân dân lao động sử dụng

C. Pháp luật phản ánh ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội

D. Pháp luật phản ánh ý chí của giai cấp bị trị trong xã hội

**Câu 16: “Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính ...(1)... chung, do ...(2)... ban hành và đảm bảo thực hiện, thể hiện ...(3)... của giai cấp thống trị và phụ thuộc vào các điều kiện ...(4)..., là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội”?**

A. bắt buộc - quốc hội - ý chí - chính trị

B. bắt buộc chung - nhà nước - lý tưởng - chính trị

C. bắt buộc - quốc hội - lý tưởng - kinh tế xã hội

D. bắt buộc - nhà nước - ý chí - kinh tế xã hội

**Câu 17: Tập quán pháp là việc:**

A. Biến đổi những tục lệ, tập quán đã có sẵn thành pháp luật

B. Biến đổi những thói quen hành xử của con người trong lịch sử thành pháp luật

C. Biến đổi những quy phạm tôn giáo thành pháp luật

D. Tạo ra những tập quán mới và đưa vào hệ thống pháp luật

**Câu 18: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin thì nguyên nhân xã hội làm xuất hiện nhà nước**?

A. Do có sự phân công lao động trong xã hội

B. Do có sự phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp trong xã hội

C. Do con người trong xã hội có sự tranh giành lợi ích

D. Do ý chí của con người trong xã hội

**Câu 19: Tổ chức thị tộc trong xã hội cộng sản nguyên thủy là:**

A. Một xã hội độc lập có tổ chức

B. Một nhóm người cùng sinh sống, cùng lao động, phân phối của cái bình đẳng

C. Một nhóm người không có cùng quan hệ huyết thống

D. Một tổ chức độc lập có người đứng đầu

**Câu 20: Sự ra đời và tồn tại của nhà nước là:**

A. Kết quả tất yếu của xã hội loài người, ở đâu có xã hội ở đó có nhà nước

B. Là kết quả tất yếu của xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp

C. Do ý chí của các thành viên trong xã hội, mong muốn thành lập nhà nước để bảo vệ lợi ích chung

D. Tất cả các đáp án

**Câu 21: Thuộc tính cơ bản của pháp luật:**

A. Tính cưỡng chế

B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức

C. Tính quy phạm phổ biến

D. Tất cả các đáp án

**Câu 22: Nhận định nào sau đây là đặc trưng của pháp luật:**

A. Pháp luật phản ánh ý chí của giai cấp thống trị

B. Pháp luật được đảm bảo thực hiện bởi nhà nước

C. Pháp luật là cơ sở để thiết lập, củng cố, tăng cường quyền lực nhà nước

D. Pháp luật là công cụ, phương tiện để nhà nước quản lý kinh tế, xã hội

**Phần 2: HIỂU**

**Câu 1: Thuyết khế ước xã hội là nền tảng tư tưởng cho cuộc cách mạng của giai cấp nào?**

A. Giai cấp địa chủ phong kiến

B. Giai cấp công nhân

C. Giai cấp tư sản

D. Giai cấp nông dân

**Câu 2: Lần phân công lao động nào có ý nghĩa quyết định sự tan rã chế độ cộng sản nguyên thủy và dẫn đến sự xuất hiện nhà nước?**

A. Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt

B. Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp

C. Buôn bán phát triển và thương nghiệp xuất hiện

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 3: Phương thức hình thành pháp luật chủ yếu ở Việt Nam là gì?**

A. Tập quán pháp

B. Tiền lệ pháp

C. Văn bản quy phạm pháp luật

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 4: Chức năng điều chỉnh của pháp luật được thể hiện qua các hình thức:**

A. Quy định, cho phép và ngăn cấm các chủ thể tham gia các quy phạm pháp luật

B. Quy định và cho phép các chủ thể tham gia các quy phạm pháp luật

C. Quy định và ngăn cấm các chủ thể tham gia các quy phạm pháp luật

D. Cho phép và ngăn cấm các chủ thể tham gia các quy phạm pháp luật

**Câu 5: Đâu KHÔNG phải là chức năng của pháp luật?**

A. Chức năng điều chỉnh

B. Chức năng bảo vệ

C. Chức năng giáo dục

D. Chức năng thuyết phục

**Câu 6: Nội dung: “Nhà nước có quyền định ra và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc” thuộc khía cạnh nào của nhà nước?**

A. Bản chất của nhà nước

B. Đặc trưng của nhà nước

C. Chức năng của nhà nước

D. Vai trò của nhà nước

**Câu 7: Lần phân công lao động nào giữ vai trò rất quan trọng và có một ý nghĩa quyết định tới sự ra đời của nhà nước?**

A. Lần thứ nhất

B. Lần thứ hai

C. Lần thứ ba

D. Cả ba lần

**Câu 8: Quyền lực công cộng đặc biệt của nhà nước nhằm phục vụ cho giai cấp nào?**

A. Là quyền lực công cộng nhằm phục vụ cho giai cấp thống trị trong quá trình quản lý xã hội

B. Là quyền lực phục vụ riêng cho một tầng lớp trong xã hội

C. Là quyền lực của một tầng lớp bị trị trong xã hội

D. Là quyền lực thuộc về mọi thành viên trong xã hội

**Câu 9: Nhận định nào sau đây là đúng?**

A. Trong xã hội tồn tại ý thức pháp luật thống nhất

B. Tồn tại xã hội chịu sự quy định của ý thức pháp luật

C. Ý thức pháp luật luôn lạc hậu hơn tồn tại xã hội

D. Ý thức pháp luật của giai cấp thống trị được thể hiện chủ yếu trong hệ thống pháp luật

**Câu 10: Khi nghiên cứu về bản chất nhà nước thì nhận định nào sau đây là đúng?**

A. Bất cứ nhà nước nào cũng thể hiện bản chất giai cấp rõ nét hơn bản chất xã hội

B. Bất cứ nhà nước nào cũng chỉ là bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này với giai cấp khác

C. Bất cử nhà nước nào cũng thể hiện bản chất xã hội rõ nét hơn bản chất giai cấp

D. Bất cứ nhà nước nào cũng thể hiện bản chất giai cấp và bản chất xã hội

**Câu 11: Quyền lực và hệ thống tổ chức quyền lực trong xã hội công xã nguyên thủy được hiểu là:**

A. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích của hội đồng thị tộc, các tù trưởng, thủ lĩnh

B. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích của các thành viên trong xã hội

C. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ lợi ích của hội đồng thị tộc, thủ lĩnh, tù trưởng

D. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ lợi ích của các thành viên trong xã hội

**Câu 12: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhận định nào sau đây là đúng?**

A. Nhà nước là hiện tượng tự nhiên của xã hội loài người

B. Nhà nước là hiện tượng vĩnh cứu, bất biến

C. Nhà nước là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử

D. Nhà nước xuất hiện và tồn tại cùng với sự xuất hiện và tồn tại của loài người

**Câu 13: Khẳng định nào sau đây là sai?**

A. Chức năng đối nội của nhà nước là cơ sở cho việc thực hiện chức năng đối ngoại

B. Kết quả của việc thực hiện chức năng đối ngoại tác động đến việc thực hiện chức năng đối nội của nhà nước

C. Chức năng đối nội đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển nhà nước

D. Chức năng đối ngoại đóng vai trò quyết định đối với sự tồn tại của nhà nước

**Câu 14: Hình thức pháp luật sớm nhất và được sử dụng nhiều trong các nhà nước chủ nô và nhà nước phong kiến là:**

A. Tiền lệ pháp

B. Tập quán pháp

C. Điều lệ pháp

D. Văn bản quy phạm pháp luật

**Phần 3: VẬN DỤNG**

**Câu 1: Nhà nước CHXHCN Việt Nam có hình thức cấu trúc là:**

A. Nhà nước đơn nhất

B. Nhà nước liên bang

C. Nhà nước liên minh

D. Nhà nước đơn nhất và nhà nước liên minh

**Câu 2: Hội đồng nhân dân thuộc phân hệ cơ quan nào trong Bộ máy Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam?**

A. Cơ quan hành chính

B. Cơ quan quyền lực

C. Cơ quan xét xử

D. Cơ quan kiểm sát

**Câu 3: Bộ Giao thông vận tải thuộc phân hệ cơ quan nào trong Bộ máy Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam?**

A. Cơ quan quyền lực

B. Cơ quan hành chính

C. Cơ quan xét xử

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 4: Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc phân hệ cơ quan nào?**

A. Cơ quan quyền lực

B. Cơ quan hành chính

C. Cơ quan xét xử

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 5: Chính phủ thuộc phân hệ cơ quan nào?**

A. Cơ quan quyền lực

B. Cơ quan hành chính

C. Cơ quan xét xử

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 6: Bản chất pháp luật của Nhà nước Việt nam được thể những đặc điểm nào?**

A. Thể hiện ý chí tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; kết hợp giáo dục, thuyết phục, nêu gương

B. Khẳng định đường lối và tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

C. Là sự kết hợp của tập quán, đạo đức, quy phạm của các tổ chức xã hội, là công cụ thực hiện đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 7: Hình thức chính thể của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:**

A. Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa

B. Chủ nghĩa xã hội

C. Cộng hòa dân chủ

D. Xã hội chủ nghĩa

**Câu 8: Việc thực hiện quyền lực trong Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam có sự:**

A. Phân chia quyền lực

B. Phân công, phân nhiệm và phối hợp trong việc thực hiện quyền lực nhà nước

C. Ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp được giao tách bạch cho 3 cơ quan Quốc hội, Chính phủ và Tòa án

D. Tập trung quyền lực vào Quốc hội và Chính phủ

**Câu 9: Cơ quan thường trực của Quốc hội nước ta là?**

A. Ủy ban Quốc hội

B. Ủy ban thường vụ Quốc hội

C. Ủy ban kinh tế và ngân sách

D. Ủy ban đối nội và đối ngoại

**Câu 10: Việc tổ chức thực hiện quyền lực Nhà nước ở nước ta được thể hiện ở:**

A. Quyền lực nhà nước thuộc về cơ quan cấp cao, do nhân dân bầu ra theo nhiệm kỳ

B. Quyền lực nhà nước thuộc về người đứng đầu nhà nước

C. Quyền lực nhà nước tập trung toàn bộ hay một phần vào trong tay người đứng đầu nhà nước

D. Tất cả đáp án trên

**Câu 11: Tổ chức nào dưới đây có quyền lực công cộng đặc biệt?**

A. Các tổ chức phi chính phủ

B. Các tổng công ty

C. Hội liên hiệp phụ nữ

D. Nhà nước

**Câu 12: Theo Hiến pháp Việt Nam 2013, Thủ tướng chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được bầu như thế nào?**

A. Do nhân dân bầu

B. Do Quốc hội bầu theo sự giới thiệu của Chủ tịch nước

C. Do Chính Phủ bầu

D. Do Hội đồng nhân dân các cấp bầu

**Câu 13: Khi nghiên cứu về bộ máy Nhà nước Việt Nam, khẳng định nào sau đây là đúng:**

A. Chính phủ có quyển giám sát toàn bộ hoạt động của Nhà nước

B. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước

C. Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính ở địa phương, đại diện cho nhân dân ở địa phương

D. Không có đáp án đúng

**Câu 14: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có chủ quyền quốc gia từ khi nào?**

A. Năm 1930 (Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời)

B. Năm 1945 (Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập)

C. Năm 1954 (Kháng chiến chống Pháp thành công)

D. Năm 1975 (Kháng chiến chống Mỹ thành công)

**Câu 15: Hội đồng nhân dân các cấp được hiểu là :**

A. Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương

B. Cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương

C. Cơ quan chấp hành, thực thi nhiệm vụ của Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp

D. Do Quốc hội bầu ra

**Câu 16: Nhận định: “Nhà nước là tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật và đảm bảo pháp luật được thực hiện” nhằm làm rõ vấn đề gì?**

A. Bản chất của nhà nước

B. Đặc trưng của nhà nước

C. Chức năng của nhà nước

D. Không có đáp án đúng

**Câu 17: Bộ máy Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm mấy phân hệ?**

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**CHƯƠNG 2: QUY PHẠM PHÁP LUẬT: QUAN HỆ PHÁP LUẬT**

**Phần 1: BIẾT**

**Câu 1: Đặc điểm của quy phạm pháp luật (QPPL):**

A. QPPL là những quy tắc xử sự có tính chất khuôn mẫu, bắt buộc mọi chủ thể phải tuân theo, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận

B. QPPL là những quy tắc xử sự có tính chất khuôn mẫu, bắt buộc mọi chủ thể phải tuân theo, do các tổ chức xã hội ban hành hoặc thừa nhận

C. QPPL là những quy tắc xử sự có tính chất khuôn mẫu, bắt buộc mọi chủ thể phải tuân theo, do phong tục, tập quán thừa nhận

D. QPPL là những quy tắc xử sự có tính chất khuôn mẫu, bắt buộc mọi chủ thể phải tuân theo do giáo hội ban hành và thừa nhận

**Câu 2: Ba bộ phận cấu thành của một quy phạm pháp luật được sắp xếp theo trình tự:**

A. Giả định, quy định, chế tài

B. Giả sử, quy định, chế tài

C. Giả thuyết, quy định, chế tài

D. Giả định, quy chế, chế tài

**Câu 3: Bộ phận nào của quy phạm pháp luật nói về thời gian, địa điểm, tình huống và các chủ thể chịu sự tác động điều chỉnh của quy phạm pháp luật?**

A. Quy định

B. Giả định

C. Quy chế

D. Chế tài

**Câu 4: Nội dung chế tài của quy phạm pháp luật gồm:**

A. Nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, kỷ luật

B. Xử phạt tiền và tịch thu tang vật

C. Hình phạt chính và hình phạt bổ sung

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 5: Bộ phận nào của quy định là trung tâm quy phạm pháp luật:**

A. Là quy tắc xử sự buộc mọi chủ thể phải tuân theo

B. Là quy tắc xử sự buộc một số chủ thể phải tuân theo

C. Là quy tắc xử sự buộc một nhóm người phải tuân theo

D. Là quy tắc buộc các dân tộc thiểu số phải tuân theo

**Câu 6: Căn cứ vào tính mệnh lệnh, quy phạm pháp luật có những loại nào?**

A. QPPL nguyên tắc, QPPL điều chỉnh, QPPL định nghĩa

B. QPPL nguyên tắc, QPPL tùy nghi, QPPL định nghĩa

C. QPPL nguyên tắc, QPPL điều chỉnh, QPPL hướng dẫn

D. QPPL bắt buộc, QPPL hướng dẫn, QPPL tùy nghi

**Câu 7: Căn cứ vào nội dung, quy phạm pháp luật có những loại nào?**

A. QPPL nguyên tắc, QPPL điều chỉnh, QPPL định nghĩa

B. QPPL nguyên tắc, QPPL tùy nghi, QPPL định nghĩa

C. QPPL nguyên tắc, QPPL điều chỉnh, QPPL hướng dẫn

D. QPPL bắt buộc, QPPL điều chỉnh, QPPL tùy nghi

**Câu 8: Phần chế tài của QPPL là:**

A. Quy tắc xử sự thể hiện ý chí của nhà nước mà mọi người phải thi hành khi xuất hiện những điều kiện mà quy phạm pháp luật đã dự kiến trước

B. Chỉ ra những biện pháp tác động mà nhà nước sẽ áp dụng đối với các chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không đúng mệnh lệnh của nhà nước đã nêu trong phần quy định

C. Nêu lên đặc điểm, thời gian, chủ thể, tình huống, điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế, là môi trường tác động của QPPL

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 9: Quan hệ pháp luật có những đặc điểm nào?**

A. Là quan hệ mang tính ý chí, quan hệ tư tưởng thuộc kiến trúc thượng tầng

B. Là quan hệ mà các bên tham gia mang những quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý

C. Là quan hệ được bảo đảm sự cưỡng chế của nhà nước và sự ý thức tự đánh giá, tự nguyện của các bên tham gia

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 10: Chủ thể của quan hệ pháp luật là những cá nhân tổ chức nào?**

A. Là công dân Việt Nam và công dân nước ngoài định cư ở Việt Nam

B. Là các tổ chức được pháp luật Việt Nam cho phép thực hiện

C. Các cá nhân và tổ chức của Việt Nam

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 11: Năng lực chủ thể của quan hệ pháp luật gồm những yếu tố nào cấu thành?**

A. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi

B. Năng lực pháp luật và năng lực tư duy

C. Năng lực trí tuệ và năng lực hành vi

D. Năng lực hành vi và năng lực ý chí

**Câu 12: Khách thể của quan hệ pháp luật là:**

A. Là những giá trị vật chất

B. Là những giá trị tinh thần

C. Là những giá trị vật chất và những giá trị tinh thần

D. Quan hệ xã hội

**Câu 13: Văn bản quy phạm pháp luật có thể hết hiệu lực áp dụng trong trường hợp nào sau đây?**

A. Bị thay thế bằng một văn bản mới

B. Hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản

C. Bị thay thế bằng một văn bản mới và hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 14: Quy phạm pháp luật là các quy tắc xử sự mang tính ...(1)... do ...(2)... ban hành và đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các ...(3)...**

A. bắt buộc chung - nhà nước - quan hệ pháp luật

B. bắt buộc - nhà nước - quan hệ xã hội

C. bắt buộc chung - quốc hội - quan hệ xã hội

D. bắt buộc chung - nhà nước - quan hệ xã hội

**Câu 15: Việc thực hiện các quy phạm pháp luật do?**

A. Do một tổ chức đặt ra

B. Do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện

C. Do cá nhân đặt ra và thực hiện

D. Cả A, B, C đúng

**Câu 16: Chế tài là bộ phận quy phạm pháp luật nêu lên?**

A. Cách xử sự dứt khoát buộc các chủ thể phải tuân theo

B. Trong trường hợp nào thì các chủ thể của quan hệ được điều chỉnh

C. Những biện pháp cưỡng chế áp dụng đối với chủ thể có hành vi vi phạm

D. Cách xử sự buộc các chủ thể phải tuân theo và khi nào thì các chủ thể của quan hệ được điều chỉnh

**Câu 17: Văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội nào?**

A. Giữa các đơn vị công tác theo với nhau

B. Giữa các tổ chức trực thuộc với nhau

C. Giữa các cá nhân với nhau

D. Mọi quan hệ trong xã hội

**Câu 18: Bộ phận “quy định” có ý nghĩa như thế nào trong quy phạm pháp luật?**

A. Xác định chủ thể, địa điểm, thời gian, hoàn cảnh, tình huống chịu sự tác động của quy phạm pháp luật

B. Xác định quy tắc xử sự của mọi chủ thể pháp luật khi tham gia vào quan hệ xã hội

C. Xác định biện pháp cưỡng chế đối với chủ thể vi phạm pháp luật

D. Tùy từng trường hợp đã nêu trong quy phạm pháp luật

**Câu 19: Bộ phận “chế tài” có ý nghĩa như thế nào trong quy phạm pháp luật?**

A. Xác định chủ thể, địa điểm, thời gian, hoàn cảnh, tình huống chịu sự tác động của quy phạm pháp luật

B. Xác định quy tắc xử sự của mọi chủ thể pháp luật khi tham gia vào quan hệ xã hội

C. Xác định biện pháp cưỡng chế đối với chủ thể vi phạm pháp luật

D. Tùy từng trường hợp đã nêu trong quy phạm

**Câu 20: Quy định cấm, bắt buộc là quy định như thế nào?**

A. Là quy định nêu ra cách xử sự dứt khoát buộc các chủ thể phải tuân theo mà không có sự lựa chọn khác

B. Là quy định nêu lên hai hay nhiều cách sử xự để các chủ thể có quyền lựa chọn cách sử xự phù hợp

C. Là quy định cho phép chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật có quyền lựa chọn làm hoặc không làm việc đó

D. Cả ba nhận định đều sai

**Câu 21: Năng lực pháp luật của chủ thể trong quan hệ pháp luật được hiểu như thế nào?**

A. Là khả năng của chủ thể có được các quyền và nghĩa vụ pháp lí được nhà nước thừa nhận

B. Là khả năng của chủ thể bằng chính hành vi của mình tham gia vào quan hệ pháp luật đó

C. Là khả năng của chủ thể được pháp luật quy định và bằng chính hành vi của mình tham gia vào quan hệ pháp luật đó

D. Cả ba nhận định đều sai

**Câu 22: Năng lực hành vi của chủ thể xuất hiện khi nào?**

A. Khi cá nhân đã đạt được độ tuổi nhất định

B. Khi cá nhân được sinh ra và chỉ mất đi khi cá nhân chết

C. Khi cá nhân đã đạt được độ tuổi nhất định và đạt được những điều kiện nhất định

D. Cả ba nhận định đều sai

**Phần 2: HIỂU**

**Câu 1: Bộ phận nào là bộ phận trung tâm của quy phạm pháp luật?**

A. Giả định

B. Quy định

C. Chế tài

D. Tất cả các phương án

**Câu 2: Cá nhân là chủ thể của quan hệ pháp luật gồm:**

A. Công dân Việt Nam không có quốc tịch ở nước ngoài

B. Công dân nước ngoài

C. Công dân Việt Nam, người nước ngoài và người không có quốc tịch cư trú trên lãnh thổ Việt Nam

D. Công dân Việt Nam và công dân nước ngoài không có quốc tịch Việt Nam

**Câu 3: Chủ thể của quan hệ pháp luật là:**

A. Là các tổ chức có năng lực pháp luật và năng lực hành vi do nhà nước thừa nhận

B. Là tổ chức chỉ có năng lực pháp luật do nhà nước thừa nhận

C. Là tổ chức chỉ có năng lực hành vi do nhà nước thừa nhận

D. Là các tổ chức có năng lực pháp luật và năng lực hành vi do các tổ chức chính trị thừa nhận

**Câu 4: Khẳng định nào sau đây là đúng:**

A. Sự kiện pháp lý (SKPL) là sự cụ thể hoá phần giả định của quy phạm pháp luật (QPPL) trong thực tiễn

B. SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định và quy định của QPPL trong thực tiễn

C. SKPL là sự cụ thể hoá phần giả định, quy định và chế tài của QPPL trong thực tiễn

D. SKPL là sự cụ thể hoá phần quy định của QPPL trong thực tiến

**Câu 5: Chủ thể sẽ không thể tham gia quan hệ pháp luật nếu?**

A. Không có năng lực pháp luật

B. Không có năng lực hành vi

C. Không có năng lực pháp luật và không có năng lực hành vi

D. Tất cả các phương án đều sai

**Câu 6: Chế tài hình sự được áp dụng đối với loại vi phạm pháp luật nào?**

A. Áp dụng với tất cả các loại vi phạm pháp luật

B. Áp dụng đối với vi phạm pháp luật là tội phạm

C. Áp dụng với tôi phạm và vi phạm hành chính

D. Chỉ được áp dụng đối với vi phạm hành chính

**Câu 7: Biện pháp nào sau đây không phải là chế tài khôi phục pháp luật?**

A. Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép

B. Trả lại tài sản đã chiếm giữ trái phép

C. Bồi thường thiệt hại

D. Không có đáp án đúng

**Câu 8: Quan hệ pháp luật phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt khi có điều kiện gì?**

A. Chỉ cần có chủ thể tham gia quan hệ và có đủ năng lực chủ thể

B. Chỉ cần có quy phạm pháp luật điều chỉnh

C. Chỉ cần có sự kiện pháp lí

D. Phải có đủ cả ba điều kiện

**Câu 9: Thời điểm năng lực pháp luật và năng lực hành vi được Nhà nước công nhận là:**

A. Cùng một thời điểm

B. Năng lực pháp luật được công nhận trước năng lực hành vi

C. Năng lực hành vi được công nhận trước năng lực pháp luật

D. Tất cả đáp án

**Phần 3:VẬN DỤNG**

**Câu 1: Xác định bộ phận trong ngoặc trong quy phạm pháp luật sau: “Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không  cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết” thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.**

A. Giả định

B. Quy định

C. Chế tài

D. Giả định và quy định

**Câu 2: Xác định bộ phận trong ngoặc của quy phạm pháp luật sau: Việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ “phải phù hợp với quy hoạch giao thông vận tải đường bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”?**

A. Giả định

B. Quy định

C. Chế tài

D. Giả định và quy định

**Câu 3: Theo pháp luật Việt Nam, nam từ đủ 20 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên được kết hôn thuộc bộ phận nào của chủ thể quan hệ pháp luật?**

A. Năng lực pháp luật

B. Năng lực hành vi

C. Quyền chủ thể

D. Nghĩa vụ chủ thể

**Câu 4: Theo luật Lao động Việt Nam 2019, độ tuổi lao động là từ 15 đến 60 tuổi 6 tháng đối với lao động nam và từ 15 đến 55 tuổi 8 tháng đối với lao động nữ, xác định bộ phận nào của chủ thể khi tham gia quan hệ lao động?**

A. Năng lực pháp luật

B. Năng lực hành vi

C. Quyền chủ thể

D. Nghĩa vụ chủ thể

**Câu 5: Ông A và bà B kết hôn. Quan hệ hôn nhân này chịu sự tác động của?**

A. Quy phạm pháp luật

B. Quy phạm đạo đức, tập quán, tôn giáo

C. Quy phạm pháp luật và quy phạm đạo đức, tập quán, tôn giáo

D. Quy phạm pháp luật tùy nghi

**Câu 6: Ở nước ta, năng lực kết hôn được pháp luật quy định là:**

A. Đủ 18 tuổi cả nam và nữ

B. Đủ từ 16 tuổi trở lên

C. Nam 20 tuổi; nữ 20 tuổi trở lên

D. Nam 20 tuổi; nữ 18 tuổi trở lên

**CHƯƠNG 3: VI PHẠM PHÁP LUẬT, TRÁCH NGHIỆM PHÁP LÝ**

**Phần 1: BIẾT**

**Câu 1: Đâu không phải là dấu hiệu của vi phạm pháp luật (VPPL)?**

A. VPPL là hành vi trái pháp luật

B. VPPL là hành vi gây thiệt hại cho xã hội

C. VPPL là hành vi có lỗi

D. VPPL là hành vi có thể không bị pháp luật trừng trị

**Câu 2: Mặt khách quan của VPPL gồm những yếu tố nào?**

A. Hành vi vi phạm pháp luật

B. Hậu quả của hành vi VPPL

C. Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi VPPL và hậu quả của hành vi

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 3: Khách thể của VPPL là:**

A. Mọi quan hệ xã hội

B. Các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh và bảo vệ

C. Các quan hệ đạo đức

D. Các quan hệ chính trị

**Câu 4: Đây là loại lỗi nào: Chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả gây thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra và mong muốn điều đó xảy ra.**

A. Lỗi cố ý trực tiếp

B. Lỗi cố ý gián tiếp

C. Lỗi vô ý do cầu thủ

D. Lỗi vô ý do quá tự tin

**Câu 5: Đây là loại lỗi nào: Chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra tuy không mong muốn nhưng để điều đó xảy ra.**

A. Lỗi cố ý trực tiếp

B. Lỗi cố ý gián tiếp

C. Lỗi vô ý do cẩu thả

D. Lỗi vô ý do quá tự tin

**Câu 6: Đây là loại lỗi nào: Chủ thể vi phạm nhận thấy trước hậu quả thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra nhưng tin tưởng rằng điều đó không xảy ra.**

A. Lỗi cố ý trực tiếp

B. Lỗi cố ý gián tiếp

C. Lỗi vô ý do cẩu thả

D. Lỗi vô ý do quá tự tin

**Câu 7: Đây là loại lỗi nào: Chủ thể vi phạm do khinh suất mà không nhận thấy trước hậu quả gây thiệt hại cho xã hội do hành vi của mình gây ra mặc dù có thể nhận thấy và cần phải nhận thấy trước.**

A. Lỗi cố ý trực tiếp

B. Lỗi cố ý gián tiếp

C. Lỗi vô ý do cẩu thả

D. Lỗi vô ý do quá tự tin

**Câu 8: Loại vi phạm pháp luật nào gây nguy hiểm cho xã hội nhất?**

A. Vi phạm hành chính

B. Vi phạm hình sự

C. Vi phạm dân sự

D. Vi phạm kỷ luật

**Câu 9: Chế tài có các loại nào?**

A. Chế tài hình sự và chế tài hành chính

B. Chế tài hình sự, chế tài hành chính và chế tài dân sự

C. Chế tài hình sự, chế tài hành chính, chế tài dân sự, chế tài kỷ luật

D. Chế tài hình sự, chế tài dân sự, chế tài hành chính, chế tài bắt buộc

**Câu 10: Dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật là?**

A. Là hành vi trái pháp luật

B. Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện

C. Vi phạm pháp luật phải có lỗi

D. Tất cả đáp án

**Câu 11: Thế nào là người có năng lực trách nhiệm pháp lý?**

A. Là người đạt một độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật, có thể nhận thức và điều khiển hành vi của mình

B. Là người không mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức

C. Là người tự quyết định cách xử sự của mình và độc lập chịu trách nhiệm về hành vi đã thực hiện

D. Là người đạt một độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật

**Câu 12: Những hành vi được biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan của vi phạm pháp luật được gọi là?**

A. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật

B. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật

C. Chủ thể của vi phạm pháp luật

D. Khách thể của vi phạm pháp luật

**Câu 13: Những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ gọi là?**

A. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật

B. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật

C. Chủ thể của vi phạm pháp luật

D. Khách thể của vi phạm pháp luật

**Phần 2:HIỂU**

**Câu 1: Khẳng định nào sau đây về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý là đúng?**

A. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý

B. Không phải mọi hành vi vi phạm đều phải chịu trách nhiệm pháp lý

C. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều có thể miễn truy cứu trách nhiệm pháp lý

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 2: Hình thức trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam:**

A. Trách nhiệm hành chính

B. Trách nhiệm hình sự

C. Trách nhiệm dân sự

D. Trách nhiệm kỷ luật

**Câu 3: Nhà nước đưa ra trách nhiệm pháp lý là nhằm?**

A. Phạt tiền người vi phạm

B. Buộc chủ thể vi phạm chấm dứt hành vi trái pháp luật, phải chịu những thiệt hại nhất định; giáo dục răn đe những người khác

C. Lập lại trật tự xã hội

D. Ngăn chặn người vi phạm có thể có vi phạm mới

**Câu 4: Người bị bệnh tâm thần có hành vi trái pháp luật có được xem là vi phạm pháp luật không?**

A. Có

B. Không

C. Tùy từng trường hợp

D. Tất cả đều sai

**Câu 5: Hành vi vi phạm các quy tắc, quy chế được xác lập trong một tổ chức, cơ quan, đơn vị là?**

A. Vi phạm hành chính

B. Vi phạm dân sự

C. Vi phạm kỷ luật

D. Vi phạm hình sự

**Câu 6: Trong các hành vi sau đây, hành vi nào phải chịu trách nhiệm kỷ luật?**

A. Cướp giật dây chuyền, túi xách người đi đường

B. Chặt cành, tỉa cây mà không đặt biển báo

C. Vay tiền dây dưa không trả

D. Xây nhà trái phép

**Câu 7: Lỗi, động cơ, mục đích thuộc về thành phần nào của vi phạm pháp luật?**

A. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật

B. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật

C. Chủ thể của vi phạm pháp luật

D. Khách thể của vi phạm pháp luật

**Câu 8: Trạng thái tâm lý của chủ thể vi phạm pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật của mình và hậu quả của hành vi đó gây ra được gọi là:**

A. Mục đích vi phạm

B. Động cơ vi phạm

C. Lỗi của chủ thể

D. Tất cả đáp án

**Phần 3:VẬN DỤNG**

**Câu 1: Đây là loại vi phạm pháp luật nào: A buôn bán, tàng trữ trái phép chất ma túy?**

A. Vi phạm pháp luật hình sự

B. Vi phạm pháp luật dân sự

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm kỷ luật nhà nước

**Câu 2: Đây là loại vi phạm pháp luật nào: Ông H đổ rác thải không đúng quy định gây ô nhiễm môi trường?**

A. Vi phạm pháp luật hình sự

B. Vi phạm pháp luật dân sự

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm kỷ luật nhà nước

**Câu 3: Đây là loại vi phạm pháp luật nào: Chị M vay tiền của anh L nhưng đến hạn, mặc dù nhiều lần anh L yêu cầu nhưng chị M vẫn chưa trả khoản tiền vay đó?**

A. Vi phạm pháp luật hình sự

B. Vi phạm pháp luật dân sự

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm kỷ luật nhà nước

**Câu 4: Đây là loại vi phạm pháp luật nào: Chị N nhiều lần đi làm muộn ảnh hưởng đến tiến độ chung của công ty?**

A. Vi phạm pháp luật hình sự

B. Vi phạm pháp luật dân sự

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm kỷ luật nhà nước

**Câu 5: Đây là loại trách nhiệm pháp lý nào: X bị tòa tuyên phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về hành vi gây rối trật tự công cộng.**

A. Trách nhiệm hình sự

B. Trách nhiệm dân sự

C. Trách nhiệm hành chính

D. Trách nhiệm kỷ luật

**Câu 6: Đây là loại trách nhiệm pháp lý nào: M bị tòa án buộc công khai xin lỗi và bồi thường 15 triệu đồng cho N vì M đã có hành vi xúc phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm của N.**

A. Trách nhiệm hình sự

B. Trách nhiệm dân sự

C. Trách nhiệm hành chính

D. Trách nhiệm kỷ luật

**Câu 7: Đây là loại trách nhiệm pháp lý nào: Sinh viên A điều khiển xe gắn máy nhưng không đội mũ bảo hiểm nên đã bị cảnh sát giao thông xử phạt 400 nghìn đồng.**

A. Trách nhiệm hình sự

B. Trách nhiệm dân sự

C. Trách nhiệm hành chính

D. Trách nhiệm kỷ luật

**Câu 8: Đây là loại trách nhiệm pháp lý nào: Sinh viên B bị nhà trường buộc dừng học 1 kỳ vì hành vi gian lận trong thi cử.**

A. Trách nhiệm hình sự

B. Trách nhiệm dân sự

C. Trách nhiệm hành chính

D. Trách nhiệm kỷ luật

**Câu 9: Đây là loại trách nhiệm pháp lý nào: Nhân viên lái xe T bị cơ quan chủ quản buộc phải bồi thường 10 triệu đồng tiền sửa chữa xe của cơ quan đã giao cho T để đi giao hàng vì T bất cẩn làm hỏng xe khi làm việc.**

A. Trách nhiệm dân sự

B. Trách nhiệm vật chất

C. Trách nhiệm hành chính

D. Trách nhiệm kỷ luật

**Câu 10: Xác định loại vi phạm pháp luật trong trường hợp sau: Do mâu thuẫn trong làm ăn, ông A đã bỏ thuốc sâu xuống ao cá của nhà ông B làm chết hết cá trong ao.**

A. Vi phạm hình sự

B. Vi phạm dân sự

C. Vi phạm hành chính

D. Vi phạm kỷ luật

**Câu 11: Ông Nam vận chuyển gia cầm bị bệnh, cơ quan có thẩm quyền buộc ông Nam phải tiêu hủy hết số gia cầm này. Đây là biện pháp chế tài?**

A. Hình sự

B. Dân sự

C. Hành chính

D. Kỷ luật

**Câu 12: Ông A vận chuyển trái phép 100 gam heroin từ Lào về Việt Nam. Ông bị kết án 9 năm tù giam. Hành vi vi phạm pháp luật của ông A là:**

A. Vi phạm hành chính

B. Vi phạm hình sự

C. Vi phạm dân sự

D. Vi phạm kỷ luật

**Câu 13: Ông A đang có vợ (đăng ký kết hôn hợp pháp) nhưng ông A chung sống như vợ chồng với bà B. Ông bà bị xử phạt 1.000.000 đồng vì hành vi vi phạm:**

A. Vi phạm hành chính

B. Vi phạm hình sự

C. Vi phạm dân sự

D. Vi phạm kỷ luật

**Câu 14: Ông A ký hợp đồng vận chuyển bằng đường sông 500 bao gạo của ông B từ Hậu Giang về Cần Thơ. Trên đường vận chuyển thì bất ngờ xảy ra cơn gió lốc làm thuyền của ông A bị lật, 500 bao gạo bị hư hỏng. Vậy ông A:**

A. Phải chịu trách nhiệm pháp lý vì không hoàn thành nghĩa vụ

B. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý vì sự kiện bất khả kháng

C. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý vì tình thể cấp thiết

D. Phải chịu trách nhiệm pháp lý do nguyên tắc suy đoán lỗi

**Câu 15: Ông A chở mẹ đi cấp cứu. Vì đường kẹt xe nên ông rẽ vào đường cấm. Hành vi của ông A là hành vi?**

A. Hành vi của ông A là hành vi vi phạm pháp luật

B. Ông A phải chịu trách nhiệm pháp lý

C. Hành vi của ông A là hành vi trái pháp luật

D. Trường hợp trên là tình thế cấp thiết

**Câu 16: Một học sinh lớp 11 (16 tuổi) chạy xe gắn máy trên 50cc ra đường chơi (có đội mũ bảo hiểm), được xem là?**

A. Không vi phạm pháp luật vì thực hiện quyền tự do đi lại

B. Vi phạm pháp luật vì chưa có đủ năng lực trách nhiệm pháp lý

C. Không phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình

D. Không vi phạm vì có đội mũ bảo hiểm theo quy định

**Câu 17: Một công ty xả chất thải ra sông làm cá chết hàng loạt, gây ô nhiễm môi trường nặng. Trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với công ty này là?**

A. Trách nhiệm hành chính

B. Trách nhiệm hình sự

C. Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự

D. Trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự

**Câu 18: Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết, thì?**

A. Vi phạm pháp luật dân sự

B. Phải chịu trách nhiệm hình sự

C. Vi phạm pháp luật hành chính

D. Bị xử phạt hành chính

**Câu 19: Người có hành vi trộm cắp phải chịu trách nhiệm pháp lý hay trách nhiệm đạo đức?**

A. Cả trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm đạo đức

B. Chỉ chịu trách nhiệm đạo đức nếu trộm cắp tài sản có giá trị nhỏ

C. Không phải chịu trách nhiệm nào cả

D. Trách nhiệm pháp lý

**Câu 20: Ông B đi vào đường ngược chiều, chưa gây tai nạn cho ai nhưng bị cảnh sát giao thông xử phạt. Việc xử phạt đó nhằm mục đích gì?**

A. Ngăn chặn không để gây tai nạn cho chính ông B

B. Chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật (đi ngược chiều)

C. Ngăn chặn không để gây tai nạn cho người khác

D. Tất cả đáp án

**CHƯƠNG 4: LUẬT HIẾN PHÁP**

**Phần 1: BIẾT**

**Câu 1: Đối tượng điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp, là những quan hệ xã hội?**

A. Liên quan đến nguồn gốc của quyền lực nhà nước, bản chất của nhà nước

B. Liên quan đến nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan, các tổ chức, các cá nhân thực hiện quyền lực nhà nước

C. Liên quan đến việc xác định mối quan hệ giữa nhà nước và công dân

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 2: Đối tượng điều chỉnh của luật Hiến pháp là?**

A. Mọi quan hệ xã hội

B. Các quan hệ xã hội liên quan đến quyền lực nhà nước, quyền lực nhân dân

C. Các quan hệ xã hội trong lĩnh vực kinh tế

D. Các quan hệ xã hội giữa nhà nước và công dân

**Câu 3: Phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp?**

A. Phương pháp thỏa thuận

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp quyền uy

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 4: Hiến pháp 2013 có kết cấu gồm:**

A. 12 Chương, 120 Điều

B. 11 Chương, 120 Điều

C. 12 Chương, 147 Điều

D. 11 Chương, 147 Điều

**Câu 5: Theo Hiến pháp 2013, nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước bằng:**

A. Dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan khác

B. Thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp bằng bầu cử, bỏ phiếu kín

C. Thông qua Quốc hội, hội đồng nhân dân

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 6: Hiến pháp 2013 quy định như thế nào về chính sách đối ngoại?**

A. Chính sách đối ngoại của Nhà nước ta là độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển

B. Chính sánh đối ngoại của Nhà nước ta là độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, hội nhập

C. Chỉnh sánh đổi ngoại của Nhà nước ta là độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, phát triển và hội nhập

D. Chính sách đối ngoại của Nhà nước ta là độc lập, tự chủ, hữu nghị, hợp tác, hội nhập và phát triển

**Câu 7: Đâu là đối tượng điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp?**

A. Các quan hệ xã hội liên quan đến nguồn gốc của quyền lực nhà nước, bản chất của nhà nước

B. Các quan hệ xã hội liên quan đến quan hệ lao động

C. Các quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước và người phạm tội

D. Các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân

**Câu 8: Phương pháp điều chỉnh của ngành luật Hiến pháp:**

A. Phương pháp cấm

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp cho phép

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 9: Vị trí của Chương: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp 2013?**

A. Chương 2

B. Chương 3

C. Chương 4

D. Chương 5

**Câu 10: Hiến pháp 2013 được Quốc hội thông qua vào thời gian nào?**

A. 1/1/2014

B. 28/11/2013

C. 28/11/2014

D. 2/9/2013

**Câu 11: Vị trí của Chương: “Chính sách kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường” trong Hiến pháp 2013:**

A. Chương 2

B. Chương 3

C. Chương 4

D. Chương 5

**Câu 12: Các thành phần kinh tế được quy định trong Hiến pháp 2013 là:**

A. Nhiều thành phần kinh tế, trong đó thành phần kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo

B. Kinh tế Nhà nước, kinh tế tư bản Nhà nước, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

C. Kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế tư bản Nhà nước

D. Kinh tế tư bản Nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

**Câu 13: Luật Hiến pháp điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến:**

A. Chế độ chính trị

B. Quyền con nguời, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

C. Chế độ chính trị; Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; Các nguyên tắc, tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; Bảo vệ tổ quốc

D. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước

**Câu 14: Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 là bản hiến pháp của thời kỳ hội nhập, đổi mới và phát triển. Bản Hiến pháp này chính thức có hiệu lực vào thời gian nào?**

A. 1/1/2013

B. 28/11/2013

C. 1/1/2014

D. 28/11/2014

**Câu 15: Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Quốc ca nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Tiến quân ca

B. Quốc ca nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Đoàn vệ quốc quân

C. Quốc ca nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Đất nước

D. Quốc ca nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Lên ngàn

**Phần 2:HIỂU**

**Câu 1: Theo Hiến pháp 2013: Phương tiện để nhân dân giao quyền, ủy quyền quyền lực Nhà nước là:**

A. Thực hành quyền lập hiến

B. Thực hành quyền lập pháp

C. Thực hành quyền tư pháp

D. Thực hành quyền hành pháp

**Câu 2: Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là đúng:**

A. Bảo vệ lợi ích, bảo vệ quyền con người sau mới bảo vệ lợi ích Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa

B. Bảo vệ lợi ích Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa sau mới bảo vệ lợi ích, bảo vệ quyền con người

C. Bảo vệ lợi ích giai cấp công nhận, nhân dân lao động

D. Bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa

**Câu 3: Điều luật: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật” nằm trong chế định nào của Hiến pháp 2013?**

A. Chế độ chính trị

B. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

C. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

D. Bảo vệ tổ quốc

**Câu 4: Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là SAI?**

A. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế độc lập, tự chủ

B. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế hội nhập, hợp tác quốc tế

C. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế phụ thuộc

D. Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế phát huy nội lực

**Câu 5: Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là đúng nhất?**

A. Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện

B. Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan khác

C. Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân

D. Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước thông qua dân chủ đại nghị

**Câu 6: Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là đúng nhất?**

A. Chính sách đối ngoại của Nhà nước ta là độc lập, tự chủ

B. Chính sách đối ngoại của Nhà nước ta là hòa bình, hữu nghị, hợp tác

C. Chính sách đối ngoại của Nhà nước ta là hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển

D. Cả A và C

**Câu 7: Quyền kết hôn thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?**

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế, văn hóa - xã hội

C. Nhóm quyền tự do dân chủ

D. Nhóm quyền tự do cá nhân

**Câu 8: Quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức lấy ý kiến của nhân dân thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?**

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế, văn hóa - xã hội

C. Nhóm quyền tự do dân chủ

D. Nhóm quyền tự do cá nhân

**Câu 9: Quyền khiếu nại, tố cáo thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?**

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế

C. Nhóm quyền văn hóa - xã hội

D. Nhóm quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân

**Câu 10: Quyền lao động thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?**

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế, văn hóa - xã hội

C. Nhóm quyền tự do dân chủ

D. Nhóm quyền tự do cá nhân

**Câu 11: Quyền được bảo hộ về tài sản, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?**

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế

C. Nhóm quyền văn hóa - xã hội

D. Nhóm quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân

**Câu 12: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?**

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế

C. Nhóm quyền văn hóa - xã hội

D. Nhóm quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân

**Câu 13: Quyền bầu cử, quyền ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?**

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế

C. Nhóm quyền văn hóa - xã hội

D. Nhóm quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân

**Câu 14: Quyền tự do kinh doanh thuộc nhóm quyền nào trong chế định “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”?**

A. Nhóm quyền về chính trị

B. Nhóm quyền kinh tế, văn hóa - xã hội

C. Nhóm quyền tự do cá nhân

D. Nhóm quyền tự do dân chủ

**Câu 15: “Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật”, điều này nằm trong chế định nào của luật Hiến pháp?**

A. Chế độ chính trị

B. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

C. Bảo vệ tổ quốc

D. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

**Câu 16: Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trong và ngoài đất nước Việt Nam

B. Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của người Việt Nam trong và ngoài nước

C. Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của dân tộc Kinh sinh sống trên đất nước Việt Nam

D. Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam

**Câu 17: Theo Hiến pháp 2013, khẳng định nào sau đây là SAI?**

A. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị

B. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ đều bị nghiêm trị

C. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị

D. Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Tùy từng hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sẽ được xem xét theo quy định

**Câu 18: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất theo Hiến pháp 2013?**

A. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến

B. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc

C. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

D. Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

**Phần 3: VẬN DỤNG**

**Câu 1: Điều luật sau thể hiện nội dung của phương pháp nào trong luật Hiến pháp: “Mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định” (Điều 47, Hiến pháp 2013)?**

A. Phương pháp cho phép

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp cấm

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 2: Điều luật sau thể hiện nội dung của phương pháp nào trong luật Hiến pháp: “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập”?**

A. Phương pháp cho phép

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp cấm

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 3: Điều luật sau thể hiện nội dung của phương pháp nào trong luật Hiến pháp: “Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật”?**

A. Phương pháp cho phép

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp cấm

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 4: Khoản 3 điều 30: “Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác” của Hiến pháp 2013 thể hiện phương pháp điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?**

A. Phương pháp cho phép

B. Phương pháp cấm

C. Phương pháp bắt buộc

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 5: Khoản 1, điều 32: “Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác” của Hiến pháp 2013 thể hiện phương pháp điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?**

A. Phương pháp cấm

B. Phương pháp bắt buộc

C. Phương pháp cho phép

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 6: Khoản 2, điều 45: “Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân” của Hiến pháp 2013 thể hiện phương pháp điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?**

A. Phương pháp cấm

B. Phương pháp cho phép

C. Phương pháp bắt buộc

D. Cả A, B và C

**Câu 7: Khoản 2, điều 2 trong Hiến pháp 2013: “Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức” xác định đối tượng điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?**

A. Quan hệ liên quan đến nguồn gốc quyền lực nhà nước

B. Quan hệ liên quan đến nguyên tắc tổ chức và hoạt động của cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân thực hiện quyền lực nhà nước

C. Quan hệ giữa Nhà nước và công dân

D. Quan hệ trong việc xác định cơ sở kinh tế

**Câu 8: “Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”, điều này thể hiện phương pháp điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?**

A. Phương pháp cấm

B. Phương pháp cho phép

C. Phun pháp bắt buộc

D. Phương pháp cho phép và phương pháp bắt buộc

**Câu 9: “Đại biểu quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch quốc hội, Thủ tướng chính phủ,... điều luật này thể hiện phương pháp điều chỉnh nào của luật Hiến pháp?**

A. Phương pháp cấm

B. Phương pháp cho phép

C. Phương pháp bắt buộc

D. Phương pháp cấm và phương pháp bắt buộc

**CHƯƠNG 5: LUẬT LAO ĐỘNG**

**Phần 1:BIẾT**

**Câu 1: Luật lao động điều chỉnh quan hệ nào là chủ yếu?**

A. Quan hệ lao động

B. Quan hệ việc làm, dạy nghề

C. Bảo hiểm xã hội

D. Quan hệ giữa Công đoàn với Người lao động và Người sử dụng lao động

**Câu 2: Nội dung của quan hệ pháp lao động bao gồm?**

A. Quyền của người lao động và sử dụng lao động

B. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

C. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

D. Tất cả các phương án trên

**Câu 3: Phương pháp điều chỉnh của Luật lao động bao gồm?**

A. Phương pháp bình đẳng và thỏa thuận

B. Phương pháp mệnh lệnh và quyền uy

C. Thông qua các tổ chức chính trị xã hội

D. Phương pháp thỏa thuận và mệnh lệnh

**Câu 4: Bảo hiểm xã hội bắt buộc áp dụng đối với nghề nghiệp có sử dụng lao động làm việc theo loại hợp đồng lao động (HĐLĐ) nào?**

A. HĐLĐ có thời hạn từ 1 tháng trở lên và HĐLĐ không xác định thời hạn

B. HĐLĐ có thời hạn dưới 1 tháng

C. HĐLĐ có thời hạn dưới 1 tuần

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 5: Bảo hiểm xã hội tự nguyện áp dụng đối với nghề nghiệp có sử dụng lao động làm việc theo loại hợp đồng lao động (HĐLĐ) nào?**

A. HĐLĐ có thời hạn từ 12 tháng trở lên

B. HĐLĐ không xác định thời hạn

C. HĐLĐ có thời hạn dưới 3 tháng

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 6: Chế độ nào KHÔNG thuộc các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc?**

A. Chế độ thai sản

B. Chế độ trợ cấp tai nạn lao động

C. Chế độ trợ cấp thất nghiệp

D. Chế độ trợ cấp hưu trí

**Câu 7: Các chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện?**

A. Chế độ thai sản và trợ cấp ốm đau

B. Chế độ trợ cấp tai nạn lao động và trợ cấp hưu trí

C. Chế độ trợ cấp hưu trí và tử tuất

D. Chế độ trợ cấp hưu trí và trợ cấp ốm đau

**Câu 8: Chế độ nào KHÔNG thuộc các chế độ bảo hiểm thất nghiệp?**

A. Trợ cấp thất nghiệp

B. Hỗ trợ học nghề

C. Hỗ trợ tìm việc làm

D. Trợ cấp hưu trí

**Câu 9: Pháp luật lao động hiện hành quy định như thế nào về thời gian thử việc?**

A. Chỉ được thử việc 01 lần đối với một công việc và bảo đảm thời gian thử việc không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên

B. Chỉ được thử việc 01 lần đối với một công việc và bảo đảm thời gian thử việc không quá 45 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyển môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên

C. Chỉ được thử việc 01 lần đối với một công việc và bảo đảm thời gian thử việc không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên

D. Chỉ được thử việc 01 lần đối với một công việc và bảo đảm thời gian thử việc không quá 90 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên

**Câu 10: Trong những trường hợp sau, trường hợp nào là đương nhiên chấm dứt hợp đồng lao động?**

A. Người lao động bị kết án tù giam

B. Người lao động bị đau ốm do tai nạn lao động

C. Người lao động đi làm nghĩa vụ quân sự

D. Người lao động nghỉ thai sản

**Câu 11: Trong trường hợp nào người lao động được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động?**

A. Bản thân hoặc gia đình thật sự có hoàn cảnh khó khăn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng hoặc sức khỏe yếu

B. Người lao động đi học tập, nâng cao trình độ, chuyên môn ở nước ngoài

C. Người lao động nữ nghỉ thai sản

D. Người lao động nghỉ không lương theo thỏa thuận

**Câu 12: Trong trường hợp nào người sử dụng lao động được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động?**

A. Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng

B. Người lao động nữ có thai phải nghỉ việc theo chỉ định của thầy thuốc

C. Người lao động đi làm nghĩa vụ quân sự

D. Người lao động hoàn thành công việc ở mức độ thấp

**Phần 2: HIỂU**

**Câu 1: Theo quy định của pháp luật lao động hiện hành: Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước:**

A. Ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn

B. Ít nhất 40 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn

C. Ít nhất 35 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn

D. Ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn

**Câu 2: Theo quy định của pháp luật lao động hiện hành: Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước:**

A. Ít nhất 20 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn

B. Ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn

C. Ít nhất 40 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn

D. Ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn

**Câu 3: Theo quy định của pháp luật lao động hiện hành, khẳng định nào sau đây là đúng:**

A. Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động

B. Người lao động là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động

C. Người lao động là người từ đủ 17 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động

D. Người lao động là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động

**Câu 4: Theo quy định của pháp luật lao động hiện hành, người sử dụng lao động không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp nào?**

A. Người lao động ốm đau hoặc bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, đang điều trị, điều dưỡng theo quyết định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền

B. Người lao động đang nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng và những trường hợp nghỉ khác được người sử dụng lao động đồng ý

C. Lao động nữ nghỉ việc vì lý do kết hôn, mang thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi; Người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội

D. Người lao động ốm đau hoặc bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đang điều trị, điều dưỡng theo quyết định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền; Người lao động đang nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng và những trường hợp nghỉ khác được người sử dụng lao động đồng ý; Lao động nữ nghỉ việc vì lý do kết hôn, mang thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi; Người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội

**Câu 5: Bộ luật lao động quy định những hình thức xử lý kỷ luật lao động nào?**

A. Cảnh cáo và sa thải

B. Cảnh cáo, kéo dài thời gian nâng lương và sa thải

C. Khiển trách, hạ bậc lương hoặc chuyển sang làm công việc khác có mức lương thấp hơn và sa thải

D. Khiển trách; kéo dài thời gian nâng lương không quá sáu tháng hoặc chuyển làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn tối đa là sáu tháng hoặc cách chức; sa thải

**Câu 6: Trong trường hợp công việc phù hợp với cả nam và nữ và họ đều có đủ tiêu chuẩn tuyển chọn thì người sử dụng lao động phải ưu tiên tuyển dụng người nào?**

A. Người nhiều tuổi hơn

B. Người lao động nữ

C. Người lao động nam

D. Người đưa ra mức lương thấp hơn

**Câu 7: Theo quy định của Bộ luật lao động sửa đổi, bổ sung năm 2013 thì “người lao động” là người:**

A. Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động

B. Người lao động là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động

C. Người lao động là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động

D. Người lao động là người từ đủ 17 tuổi trở lên, có khả năng lao động

**Câu 8: Thời giờ làm việc được quy định như thế nào?**

A. Không quá 8 giờ trong một ngày hoặc 40 giờ trong một tuần

B. Không quá 8 giờ trong một ngày hoặc 48 giờ trong một tuần

C. Không quá 10 giờ trong một ngày hoặc 50 giờ trong một tuần

D. Không quá 10 giờ trong một ngày hoặc 60 giờ trong một tuần

**Câu 9: Theo quy định của pháp luật lao động, người được coi là đủ tuổi lao động khi nào?**

A. Ít nhất đủ 15 tuổi

B. Ít nhất đủ 16 tuổi

C. Ít nhất đủ 17 tuổi

D. Ít nhất đủ 18 tuổi

**Câu 10: Có mấy loại hợp đồng lao động, đó là những loại nào?**

A. 2 loại, gồm: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn (không quá 36 tháng)

B. 3 loại, gồm: hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động 1 năm và hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 đến 3 năm

C. 3 loại, gồm: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng

D. 1 loại, gồm: hợp đồng lao động không xác định thời hạn

**Câu 11: Theo quy định của pháp luật Lao động, khẳng định nào sau đây là đúng về tiền lương trong thời gian thử việc?**

A. Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thoả thuận nhưng ít nhất phải bằng 70% mức lương của công việc đó

B. Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thoả thuận nhưng ít nhất phải bằng 80% mức lương của công việc đó

C. Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thoả thuận nhưng ít nhất phải bằng 85% mức lương của công việc đó

D. Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thoả thuận nhưng ít nhất phải bằng 75% mức lương của công việc đó

**Phần 3:VẬN DỤNG**

**Câu 1: Tổng mức đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) của cả người sử dụng lao động và người lao động theo Luật bảo hiểm xã hội 2014 là bao nhiêu % lương?**

A. 23%

B. 24%

C. 25,5%

D. 26%

**Câu 2: Mức đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của người sử dụng lao động theo Luật bảo hiểm xã hội 2014 là bao nhiêu (tỷ lệ % tính trên lương)?**

A. BHXH: 16; BHYT: 3; BHTN: 1

B. BHXH: 17; BHYT: 2; BHTN: 1

C. BHXH: 17,5; BHYT: 3; BHTN: 1

D. BHXH: 16,5; BHYT: 3; BHTN: 1

**Câu 3: Mức đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của người lao động theo Luật bảo hiểm xã hội 2014 là bao nhiêu (tỷ lệ % tính trên lương)?**

A. BHXH: 7; BHYT: 2; BHTN: 1

B. BHXH: 7; BHYT: 1,5; BHTN: 1

C. BHXH: 8; BHYT: 2; BHTN: 1

D. BHXH: 8; BHYT: 1,5; BHTN: 1

**Câu 4: Tổng mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp hiện nay của người lao động theo Luật bảo hiểm xã hội 2014 là bao nhiêu % lương?**

A. 8,5%

B. 9,5%

C. 10,5%

D. 11,5%

**Câu 5: Tổng mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp hiện nay của người sử dụng lao động theo Luật bảo hiểm xã hội 2014 là bao nhiêu % lương?**

A. 20%

B. 21,5%

C. 22%

D. 23,5%

**Câu 6: Mức đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) của người sử dụng lao động theo Luật bảo hiểm xã hội 2014 là bao nhiêu (tỷ lệ % tính trên lương)?**

A. BHXH: 16,5%

B. BHXH: 17%

C. BHXH: 17,5%

D. BHXH: 18%

**Câu 7: Mức đóng bảo hiểm y tế (BHYT) của người sử dụng lao động theo Luật bảo hiểm xã hội 2014 là bao nhiêu (tỷ lệ % tính trên lương)?**

A. BHYT: 3%

B. BHYT: 2%

C. BHYT: 1,5%

D. BHYT: 3,5%

**Câu 8: Mức đóng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của người sử dụng lao động theo Luật bảo hiểm xã hội 2014 là bao nhiêu (tỷ lệ % tính trên lương)?**

A. BHTN: 1%

B. BHTN: 1,5%

C. BHTN: 2%

D. BHTN: 2,5%

**Câu 9: Mức đóng bảo hiểm y tế (BHYT) của người lao động theo Luật bảo hiểm xã hội 2014 là bao nhiêu (tỷ lệ % tính trên lương)?**

A. BHYT: 1,5%

B. BHYT: 2%

C. BHYT: 2,5%

D. BHYT: 3%

**Câu 10: Lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con theo đúng quy định, được hưởng tiền lương, tiền công của những ngày làm việc đó như thế nào?**

A. Chỉ hưởng lương thai sản do BHXH chi trả

B. Chỉ được hưởng tiền lương của những ngày làm việc

C. Ngoài tiền lương, tiền công của những ngày làm việc do người sử dụng lao động trả, lao động nữ vẫntiếp tục được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội

D. Ngoài tiền lương, tiền công của những ngày làm việc do người sử dụng lao động trả, lao động nữ được hưởng thêm 02 tháng lương cơ bản

**Câu 11: Người lao động làm thêm giờ vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương thì được trả lương như thế nào?**

A. Ít nhất bằng 120% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm

B. Ít nhất bằng 150% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm

C. Ít nhất bằng 200% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm

D. Ít nhất bằng 300% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm

**CHƯƠNG 6: LUẬT HÌNH SỰ**

**Phần 1: BIẾT**

**Câu 1: Phương pháp điều chỉnh chủ yếu của luật hình sự là gì?**

A. Phương pháp quyền uy

B. Phương pháp thỏa thuận

C. Phương pháp mệnh lệnh

D. Phương pháp cho phép

**Câu 2: Trong hệ thống hình phạt của Bộ luật hình sự, hình phạt nào vừa là hình phạt chính vừa là hình phạt bổ sung?**

A. Trục xuất và phạt tiền

B. Cải tạo không giam giữ và trục xuất

C. Quản chế và cấm cư trú

D. Phạt tiền và cảnh cáo

**Câu 3: Theo quy định của pháp luật hình sự, khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Không áp dụng hình phạt tử hình và chung thân đối với phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng

B. Không áp dụng hình phạt chung thân đối với phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng

C. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng

D. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 48 tháng dưới

**Câu 4: Khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Chỉ được áp dụng 1 hình phạt chính và 1 hình phạt bổ sung cho 1 tội phạm

B. Chỉ được áp dụng 1 hình phạt chính và có thể áp dụng một số hình phạt bổ sung cho 1 tội phạm

C. Có thể áp dụng nhiều hình phạt chính và nhiều hình phạt bổ sung cho 1 tội phạm

D. Có thể áp dụng nhiều hình phạt chính và chỉ áp dụng 1 hình phạt bổ sung cho 1 tội phạm

**Câu 5: Khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Hình phạt chính được tuyên độc lập và mỗi tội phạm chỉ có thể bị tuyên 1 hình phạt chính

B. Hình phạt bổ sung được tuyên độc lập và mỗi tội phạm chỉ có thể bị tuyên 1 hình phạt bổ sung

C. Hình phạt chính được tuyên độc lập và mỗi tội phạm có thể bị tuyên nhiều hình phạt chính

D. Hình phạt chính được tuyên kèm theo hình phạt chính và mỗi tội phạm chỉ có thể bị tuyên 1 hình phạt chính

**Câu 6: Hình phạt tù được áp dụng với người chưa thành niên cao nhất là bao nhiêu năm khi thực hiện 1 tội phạm?**

A. 17 năm

B. 18 năm

C. 19 năm

D. 20 năm

**Câu 7: Hình phạt tù được áp dụng với người chưa thành niên cao nhất là bao nhiêu năm khi thực hiện nhiều tội phạm cùng thời điểm?**

A. 17 năm

B. 18 năm

C. 19 năm

D. 20 năm

**Câu 8: Thời hạn cao nhất của hình phạt tù có thời hạn được áp dụng với người đã thành niên là bao nhiêu năm khi thực hiện 1 tội phạm?**

A. 20 năm

B. 25 năm

C. 30 năm

D. 35 năm

**Câu 9: Thời hạn cao nhất của hình phạt tù có thời hạn được áp dụng với người đã thành niên là bao nhiêu năm khi thực hiện nhiều tội phạm cùng thời điểm?**

A. 20 năm

B. 25 năm

C. 30 năm

D. 35 năm

**Câu 10: Bộ luật hình sự điều chỉnh những quan hệ xã hội nào?**

A. Quan hệ giữa cá nhân với cá nhân

B. Giữa các tổ chức trong xã hội

C. Quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước và người phạm tội

D. Quan hệ giữa nhà nước với các tổ chức khác

**Phần 2: HIỂU**

**Câu 1: Trong luật hình sự chế định cơ bản nhất là gì?**

A. Chế định tội phạm và cấu thành tội phạm

B. Chế định tội phạm và hình phạt

C. Chế định tội phạm và các yếu tố của tội phạm

D. Chế định tội phạm và chuẩn bị phạm tội

**Câu 2: Dấu hiệu cơ bản, quan trọng nhất của tội phạm là gì?**

A. Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội

B. Tính trái pháp luật của tội phạm

C. Tính có lỗi của chủ thể

D. Tính nguy hại không đáng kể cho xã hội

**Câu 3: Người có năng lực trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi phạm tội là:**

A. Tại thời điểm thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hoàn toàn không có khả năng nhận thức được hành vi của mình và có khả năng điều khiển được hành vi đó

B. Tại thời điểm thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi bị hạn chế

C. Tại thời điểm thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hoàn toàn mất năng lực hành vi

D. Tại thời điểm thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hoàn toàn có khả năng nhận thức được hành vi của mình và có khả năng điều khiển được hành vi đó

**Câu 4: Tính có lỗi là dấu hiệu nào của tội phạm?**

A. Tính có lỗi là một dấu hiệu về mặt hình thức của tội phạm

B. Tính có lỗi là một dấu hiệu về mặt nội dung và hình thức của tội phạm

C. Tính có lỗi là một dấu hiệu về mặt nội dung của tội phạm

D. Tính có lỗi là một dấu hiệu cơ bản của tội phạm

**Câu 5: Đồng phạm được hiểu là:**

A. Trường hợp có ba người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm

B. Trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm

C. Trường hợp có bốn người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm

D. Trường hợp có nhiều người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm

**Câu 6: Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì:**

A. Không phải chịu trách nhiệm hình sự

B. Tùy từng hành vi mà phải chịu trách nhiệm hình sự

C. Phải chịu trách nhiệm hình sự một phần

D. Phải chịu trách nhiệm hình sự toàn bộ

**Câu 7: Khi có Quyết định đặc xá của Quốc hội thì người phạm tội được:**

A. Loại trừ trách nhiệm hình sự

B. Miễn trách nhiệm hình sự

C. Hoãn thi hành hình phạt tù

D. Có thể được miễn trách nhiệm hình sự

**Câu 8: Phương pháp được Nhà nước ta áp dụng phòng và chống tội phạm là?**

A. Phương pháp giáo dục thuyết phục với phương pháp cưỡng chế để đấu tranh phòng chống tội phạm

B. Phương pháp thuyết phục là chủ yếu

C. Phương pháp cưỡng chế là chủ yếu để đấu tranh phòng chống tội phạm

D. Phương pháp phòng ngừa tội phạm là chủ yếu

**Câu 9: Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng:**

A. Đối với hình phạt chính

B. Đối với hình phạt mà mức tính chất của tội ít nguy hiểm

C. Đối với hình phạt của tội đặc biệt nguy hiểm

D. Đối với hình phạt bổ sung khi đã áp dụng hình phạt chính

**Câu 10: Lỗi thuộc yếu tố nào trong cấu thành tội phạm?**

A. Mặt chủ quan

B. Mặt khách quan

C. Khách thể

D. Chủ thể

**Phần 3: VẬN DỤNG**

**Câu 1: A bị tòa tuyên phạt 10 năm tù. Hãy xác định loại tội phạm mà A đã thực hiện?**

A. Tội phạm ít nghiêm trọng

B. Tội phạm nghiêm trọng

C. Tội phạm rất nghiêm trọng

D. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

**Câu 2: A bị tòa tuyên phạt 5 năm tù. Hãy xác định loại tội phạm mà A đã thực hiện?**

A. Tội phạm ít nghiêm trọng

B. Tội phạm nghiêm trọng

C. Tội phạm rất nghiêm trọng

D. Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

**Câu 3: Khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Người từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm về tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi cố ý hoặc

tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

B. Người từ 14 tuổi đến 16 tuổi phải chịu trách nhiệm về mọi loại tội phạm

C. Người từ đủ 14 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

D. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm về tội phạm rất nghiêm trọng với lỗi cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng

**Câu 4: Trong các dấu hiệu của tội phạm, dấu hiệu nào là quan trọng nhất?**

A. Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội

B. Tội phạm do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện

C. Tôi phạm là hành vi có lỗi

D. Tội phạm là hành vi trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt

**Câu 5: Khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Người từ đủ 14 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về mọi loại tội phạm

B. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về mọi loại tội phạm

C. Người từ 14 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về mọi loại tội phạm

D. Người từ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về mọi loại tội phạm

**Câu 6: Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự:**

A. Rủi ro gây nguy hại không đáng kể cho xã hội

B. Phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết

C. Vượt quá yêu cầu của phòng vệ chính đáng

D. Vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết

**Câu 7: Để bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nghiêm cấm những hành vi nào?**

A. Tra tấn hay bất kỳ hình thức đối xứ nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người

B. Bức cung hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người

C. Dùng nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người

D. Cả 03 đáp án trên

**Câu 8: Chọn đáp án đúng dưới đây:**

A. Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội

B. Người phạm tội không thể bình đẳng trước pháp luật, có sự phân biệt giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội

C. Không phải mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật

D. Người phạm tội có sự phân rõ ràng về giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, thành phần, địa vị xã hội

**Câu 9: Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định, thì bị tước một hoặc một số quyền công dân sau đây:**

A. Quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước; Quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước và quyền phục vụ trong Lực lượng vũ trang nhân dân

B. Quyền làm việc trong các cơ quan công quyền của Nhà nước

C. Quyền bầu cử đại biểu Quốc hội

D. Quyền làm việc trong các cơ quan nước ngoài, cơ quan ngoại giao của Nhà nước

**Câu 10: KHÔNG ÁP DỤNG hình phạt tử hình đối với trường hợp nào sau đây?**

A. Người dưới 18 tuổi khi phạm tội, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử

B. Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ

C. Các trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng

D. Phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi

**CHƯƠNG 7: LUẬT DÂN SỰ**

**Phần 1: BIẾT**

**Câu 1: Đối tượng điều chỉnh của luật dân sự?**

A. Quan hệ tài sản

B. Quan hệ nhân thân

C. Mọi quan hệ xã hội

D. Quan hệ tài sản và Quan hệ nhân thân

**Câu 2: Theo quy định của bộ luật Dân sự, quyền của tác giả đối với sáng chế thuộc quan hệ nào?**

A. Quan hệ tài sản

B. Quan hệ nhân thân gắn với tài sản

C. Quan hệ nhân thân không gắn với tài sản

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 3: Theo quy định của bộ Luật Dân sự, quan hệ về tên gọi thuộc quan hệ nào?**

A. Quan hệ nhân thân không gắn với tài sản

B. Quan hệ tài sản

C. Quan hệ nhân thân gắn với tài sản

D. Tất cả phương án đều đúng

**Câu 4: Khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Quan hệ tài sản không thể dịch chuyển được

B. Quan hệ nhân thân có thể dịch chuyển được

C. Quan hệ nhân thân không thể dịch chuyển được

D. Cả quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân đều có thể dịch chuyển được

**Câu 5: Quan hệ về tên gọi thuộc quan hệ nào của pháp luật Dân sự?**

A. Quan hệ tài sản

B. Quan hệ nhân thân gắn với tài sản

C. Quan hệ nhân thân không gắn với tài sản

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 6: Khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Người thừa kế theo pháp luật có thể là cá nhân hoặc tổ chức

B. Người thừa kế theo pháp luật chỉ có thể là cá nhân

C. Người thừa kế theo di chúc chỉ có thể là cá nhân

D. Người thừa kế theo di chúc chỉ có thể là tổ chức

**Câu 7: Khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Người thừa kế theo pháp luật phải là người có quan hệ hôn nhân với người để lại di sản thừa kế

B. Người thừa kế theo pháp luật phải là người có quan hệ huyết thống với người để lại di sản thừa kế

C. Người thừa kế theo pháp luật phải là người có quan hệ nuôi dưỡng với người để lại di sản thừa kế

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 8: Quyền sở hữu thuộc loại quan hệ nào?**

A. Quan hệ tài sản

B. Quan hệ nhân thân gắn với tài sản

C. Quan hệ nhân thân không gắn với tài sản

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 9: Theo quy định của luật Dân sự, có mấy hàng thừa kế?**

A. 1 hàng thừa kế

B. 2 hàng thừa kế

C. 3 hàng thừa kế

D. 4 hàng thừa kế

**Câu 10: Sở hữu chung của vợ chồng là:**

A. Phần quyền sở hữu của hai vợ chồng có được trước và trong thời kỳ hôn nhân

B. Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia

C. Tài sản chung hợp nhất không phân chia

D. Sở hữu chung hợp nhất không thể phân chia

**Phần 2: HIỂU**

**Câu 1: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành, người thành niên là:**

A. Người từ đủ mười lăm tuổi trở lên

B. Người từ đủ mười sáu tuổi trở lên

C. Người từ đủ mười bảy tuổi trở lên

D. Người từ đủ mười tám tuổi trở lên

**Câu 2: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành, người bị mắc bệnh tâm thần được coi là:**

A. Người mất năng lực hành vi dân sự

B. Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

C. Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự

D. Người không có khả năng nhận thức

**Câu 3: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành, người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích được coi là:**

A. Người mất năng lực hành vi dân sự

B. Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

C. Người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự

D. Người không có khả năng nhận thức

**Câu 4: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành, khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Giao dịch dân sự của người mất năng lực hành vi dân sự phải do người đại diện theo pháp luật xác lập, thực hiện

B. Không được thực hiện giao dịch dân sự đối với người mất năng lực hành vi dân sự

C. Giao dịch dân sự của người mất năng lực hành vi dân sự phải do Tòa án chỉ định

D. Tất cả các giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có sự đồng ý của người đại điện theo pháp luật

**Câu 5: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành, khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên

B. Cá nhân không có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên

C. Việc cá nhân yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật

D. Chỉ cha mẹ đẻ mới có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi tên của con đẻ

**Câu 6: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành, khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Hoa lợi là sản vật tự nhiên mà tài sản mang lại

B. Hoa lợi là khoản lợi thu được từ việc khai thác tài sản

C. Lợi tức là sản vật tự nhiên mà tài sản mang lại

D. Lợi tức là công dụng của tài sản

**Câu 7: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành, khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Lợi tức là khoản lợi thu được từ việc khai thác tài sản

B. Hoa lợi là khoản lợi thu được từ việc khai thác tài sản

C. Lợi tức là sản vật tự nhiên mà tài sản mang lại

D. Lợi tức là công dụng của tài sản

**Câu 8: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành: Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người nào?**

A. Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc

B. Người đại diện theo pháp luật

C. Con đẻ của người để lại di sản thừa kế

D. Cha mẹ đẻ của người để lại di sản thừa kế

**Câu 9: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành: Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người nào?**

A. Người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc

B. Người đại diện theo pháp luật

C. Con đẻ của người để lại di sản thừa kế

D. Cha mẹ đẻ của người để lại di sản thừa kế

**Câu 10: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành, di chúc có hiệu lực khi nào?**

A. Di chúc có hiệu lực từ thời điểm mở thừa kế

B. Di chúc có hiệu lực từ ngày lập di chúc

C. Di chúc có hiệu lực từ ngày có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

D. Di chúc có hiệu lực từ khi có người làm chứng lập di chúc

**Câu 11: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành, thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp nào?**

A. Không có di chúc; Di chúc không hợp pháp

B. Những người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế

C. Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản

D. Không có di chúc; Di chúc không hợp pháp; Những người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; Cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế; Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc mà không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản

**Phần 3:VẬN DỤNG**

**Câu 1: A là tác giả sáng tác ra bài hát: Tình mẹ. Theo quy định của luật Dân sự, quan hệ của A đối với bài hát này thuộc quan hệ nào?**

A. Quan hệ tài sản

B. Quan hệ nhân thân gắn với tài sản

C. Quan hệ nhân thân không gắn với tài sản

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 2: Ông ngoại của người để lại di sản thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ mấy?**

A. Hàng thừa kế thứ nhất

B. Hàng thừa kế thứ hai

C. Hàng thừa kế thứ ba

D. Không thuộc hàng thừa kế nào

**Câu 3: Con nuôi của người để lại di sản thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ mấy?**

A. Hàng thừa kế thứ nhất

B. Hàng thừa kế thứ hai

C. Hàng thừa kế thứ ba

D. Không thuộc hàng thừa kế nào

**Câu 4: Anh, chị, em ruột của người để lại di sản thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ mấy?**

A. Hàng thừa kế thứ nhất

B. Hàng thừa kế thứ hai

C. Hàng thừa kế thứ ba

D. Không thuộc hàng thừa kế nào

**Câu 5: Người bắt được gia súc thất lạc sau khi thông báo thì trong thời gian bao lâu có thể xác lập quyền sở hữu với gia súc đó nếu người chủ sở hữu không đến nhận?**

A. 3 tháng

B. 6 tháng

C. 9 tháng

D. 12 tháng

**Câu 6: Người bắt được gia cầm thất lạc sau khi thông báo thì trong thời gian bao lâu có thể xác lập quyền sở hữu với gia súc đó nếu người chủ sở hữu không đến nhận?**

A. 1 tháng

B. 2 tháng

C. 3 tháng

D. 4 tháng

**Câu 7: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành: Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người nào?**

A. Người đại diện theo pháp luật

B. Con đẻ của người để lại di sản thừa kế

C. Cha mẹ đẻ của người để lại di sản thừa kế

D. Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

**Câu 8: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành, người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc là:**

A. Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng

B. Con đẻ

C. Những người thuộc hàng thừa kế thứ 2

D. Những người thuộc hàng thừa kế thứ 3

**Câu 9: Theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành, người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc là:**

A. Con thành niên mà không có khả năng lao động

B. Con đã thành niên

C. Những người thuộc hàng thừa kế thứ 2

D. Những người thuộc hàng thừa kế thứ 3

**CHƯƠNG 8: LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG**

**Phần 1: BIẾT**

**Câu 1: Luật phòng, chống tham nhũng mới nhất ban hành năm nào?**

A. Năm 2005

B. Năm 2010

C. Năm 2018

D. Năm 2020

**Câu 2: Khẳng định nào sau đây là đúng?**

A. Chủ thể tham nhũng là người làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc hệ thống chính trị

B. Chủ thể tham nhũng là người làm trong các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị thuộc thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

C. Chủ thể tham nhũng là người làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phần kinh tế tư nhân

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 3: Theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng, có bao nhiều hành vi thuộc nhóm hành vi tham nhũng?**

A. 7 hành vi

B. 9 hành vi

C. 10 hành vi

D. 12 hành vi

**Câu 4: Trong những hành vi tham nhũng sau, hành vi nào nằm trong nhóm hành vi tham nhũng được quy định trong Bộ luật Hình sự và bị xử lý hình sự?**

A. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ

B. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của nhà nước vì vụ lợi

C. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi

D. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc thanh tra, kiểm tra vì vụ lợi

**Câu 5: Trong số 12 hành vi tham nhũng, có bao nhiêu hành vi thuộc nhóm hành vi tham nhũng đã được quy định trong Bộ luật hình sự?**

A. 5 hành vi

B. 6 hành vi

C. 7 hành vi

D. 8 hành vi

**Câu 6: Nguyên nhân nào là nguyên nhân khách quan dẫn đến tham nhũng ở Việt Nam?**

A. Ảnh hưởng của mặt trái của cơ chế thị trường

B. Hệ thống chính trị chậm đổi mới

C. Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện

D. Thiếu công cụ phát hiện và xử lý tham nhũng hữu hiệu

**Câu 7: Nguyên nhân chủ quan dẫn đến hành vi tham nhũng ở Việt Nam?**

A. Ảnh hưởng của mặt trái của cơ chế thị trường

B. Do ảnh hưởng của tập quản văn hóa

C. Việt Nam là nước đang phát triển

D. Phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, Đảng viên bị xuống cấp

**Câu 8: Hành vi tham nhũng gây ra những hậu quả nào cho xã hội?**

A. Hậu quả về kinh tế, văn hóa - xã hội

B. Hậu quả về y tế, giáo dục, văn hóa - xã hội

C. Hậu quả về kinh tế, chính trị, xã hội

D. Hậu quả về quốc phòng, an ninh

**Câu 9: Theo thống kê của Tổ chức minh bạch thế giới về tình trạng tham nhũng trên thế giới thì nước nào tham nhũng nhất năm 2014?**

A. Việt Nam

B. Somali

C. Anh

D. Pakistan

**Câu 10: Thế nào là tham nhũng?**

A. Tham nhũng là hành vi của cán bộ, công chức Nhà nước đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi

B. Tham nhũng là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi

C. Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi

D. Tham nhũng là hành vi cửa quyền, hách dịch, đòi hỏi, gây khó khăn, phiền hà của người có chức vụ, quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ

**Phần 2: HIỂU**

**Câu 1: Theo thống kê của Tổ chức minh bạch thế giới về tình trạng tham nhũng trên thế giới thì nước nào trong sạch nhất năm 2014?**

A. Đan Mạch

B. Phần Lan

C. Thụy Điển

D. Đức

**Câu 2: Năm 2014, chỉ số tham nhũng của Việt Nam là?**

A. 30 điểm

B. 31 điểm

C. 32 điểm

D. 33 điểm

**Câu 3: Giải pháp chủ yếu để phòng ngừa tham nhũng?**

A. Công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

B. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

C. Vấn đề minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức

D. Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán nhằm phòng ngừa tham nhũng

**Câu 4: Nguyên nhân khách quan dẫn đến tham nhũng là?**

A. Do ảnh hưởng của tập quán văn hóa

B. Do hệ thống chính trị chậm đổi mới

C. Do hệ thống luật chưa hoàn thiện

D. Do phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, Đảng viên bị thoái hóa

**Câu 5: Nguyên nhân chủ quan dẫn đến tham nhũng là?**

A. Do ảnh hưởng của tập quán văn hóa

B. Do ảnh hưởng của mặt trái của cơ chế thị trường

C. Do hệ thống chính trị chậm đổi mới

D. Do ảnh hưởng của xã hội

**Câu 6: Công dân có quyền gì trong công tác phòng, chống tham nhũng?**

A. Công dân chỉ có quyền phát hiện và báo tin về hành vi tham nhũng

B. Công dân chỉ có quyền giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

C. Công dân chỉ có quyền phát hiện, kiến nghị với cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

D. Công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng và được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật; có quyền kiến nghị với cơ quan Nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

**Câu 7: Đâu là trách nhiệm của Công dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng?**

A. Công dân tự mình đấu tranh hoặc thông qua ban thanh tra nhân dân, qua tổ chức mà mình là thành viên tham gia phòng, chống tham nhũng

B. Thờ ơ với các hành vi tham nhũng

C. Không có trách nhiệm với công tác phòng chống tham nhũng

D. Công dân không dám khiếu nại, tố cáo các hành vi tham nhũng

**Câu 8: Chủ thể nào sau đây không được quy định là người có chức vụ, quyền hạn?**

A. Cán bộ, công chức, viên chức

B. Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân

C. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

D. Người lao động trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp

**Câu 9: Các giải pháp phòng để ngừa tham nhũng:**

A. Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

B. Cần xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn liên quan đến việc sử dụng tài sản, vốn và ngân sách Nhà nước

C. Cần làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng

D. Tất cả các phương án trên

Câu 10: Theo thống kê của Tổ chức minh bạch thế giới về tình trạng tham nhũng trên thế giới thì nước nào tham nhũng nhất năm 2014?

A. Việt Nam

B. Triều Tiên

C. Trung Quốc

D. Nga

**Phần 3:VẬN DỤNG**

**Câu 1: Theo Luật Phòng, chống tham nhũng, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được bố trí những người nào dưới đây giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giao dịch, mua bán hàng hóa, dịch vụ, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó**

A. Vợ hoặc chồng

B. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột

C. Bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột

D. Con, anh, chị, em ruột

**Câu 2: Chọn đáp án đúng sau đây:**

A. Cá nhân, tổ chức có quyền phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng

B. Cá nhân, tổ chức có quyền phản ánh về hành vi tham nhũng, cá nhân có quyền tố cáo về hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật

C. Tổ chức có quyền phản ánh về hành vi tham nhũng, cá nhân có quyền tố cáo về hành vi tham nhũng theo quy định của pháp luật

D. Tất cả đáp án trên

**Câu 3: Thế nào là vụ lợi?**

A. Vụ lợi là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham nhũng

B. Vụ lợi là việc công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng

C. Vụ lợi là việc người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng

D. Vụ lợi là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham nhũng

**Câu 4: Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 quy định việc xử lý tài sản tham nhũng như thế nào?**

A. Tài sản tham nhũng phải được thu hồi theo quy định của pháp luật

B. Tài sản tham nhũng phải được trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp theo quy định của pháp luật

C. Tài sản tham nhũng phải được tịch thu theo quy định của pháp luật

D. Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc tịch thu theo quy định của pháp luật

**Câu 5: Theo Luật phòng, chống tham nhũng, khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo với ai?**

A. Báo cáo ngay cho cơ quan thanh tra

B. Báo cáo ngay với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến hành vi tham nhũng thì phải báo cáo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ

C. Báo cáo ngay cho cơ quan cảnh sát điều tra

D. Báo cáo ngay cho lãnh đạo trực tiếp của mình

**Câu 6: Chọn đáp án đúng sau đây:**

A. Người có hành vi tham nhũng giữ bất kì chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác

B. Người có hành vi tham nhũng giữ bất kì chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã thôi việc, chuyển công tác

C. Người có hành vi tham nhũng giữ bất kì chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật

D. Người có hành vi tham nhũng giữ bất kì chức vụ, vị trí công tác nào đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, kể cả người đã nghỉ hưu, chuyển công tác

**Câu 7: Hành vi nào sau đây không phải là hành vi tham nhũng?**

A. Tham ô tài sản

B. Nhận hối lộ; đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi

C. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản

D. Không thực hiện kịp thời trách nhiệm giải trình

**Câu 8: Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng được thành lập ở cấp nào?**

A. Trung ương

B. Cấp tỉnh

C. Cấp huyện

D. Cấp xã

**Câu 9: Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng là:**

A. Tổng bí thư

B. Chủ tịch Quốc hội

C. Thủ tướng chính phủ

D. Trưởng ban nội chính Trung ương

**Câu 10: Các giải pháp phòng chống, phát hiện tham nhũng:**

A. Thông qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước

B. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán

C. Tố cáo của công dân

D. Tất cả các phương án trên